

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
TIẾNG TRUNG NÂNG CAO 1

Số tín chỉ: 04

Trình độ đào tạo: Chính quy

Ngành: Việt Nam học

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
TIẾNG TRUNG NÂNG CAO 1

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Việt Nam học

1. Tên học phần: **TIẾNG TRUNG NÂNG CAO 1**

2. Mã học phần: **TTRUNG 018**

3. Số tín chỉ: 4 (4,0)

4. Trình độ: Sinh viên đại học năm thứ 2

5. Phân bổ thời gian:

- Lên lớp: 60 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 120 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Học sau học phần TIẾNG TRUNG GIAO TIẾP 3

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.815	Nguyenhoa11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	nguyenlan0708@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 10 bài:

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như đi du lịch, leo núi ra sân bay, đất nước, văn hóa Trung Quốc.... Kiến thức ngữ pháp: biểu đạt sự thay đổi “越来越..” “越...越...”; câu chữ “把”; câu chữ “被”; bổ ngữ khả năng 动词+得/不+了/下”, các liên từ nối câu “只有...才” “一边...一边...” 先.....再.(又)...”, “.....然后....” “最后....” “连....也./都....”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu của học phần:

9.1 Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Phát âm và sử dụng đúng các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như đi du lịch, leo núi ra sân bay, đất nước, văn hóa Trung Quốc.... Sử dụng đúng các cấu trúc ngữ pháp: biểu đạt sự thay đổi “越来越..” “越....越....”; câu chữ “把”; câu chữ “被”; bỏ ngữ khả năng 动词+得/不+了/下”, các liên từ nối câu “只有...才” “一边....一边...” 先.....再.(又)...”, “.....然后....” “最后....” “连....也/都....”	3	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Diễn đạt được các câu liên quan đến các chủ đề trong đời sống hàng ngày như đi du lịch, leo núi ra sân bay, đất nước, văn hóa Trung Quốc.... Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình được học.	3	[1.2.2.2]
MT2.2	Đọc hiểu được các đoạn văn 350– 450 chữ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình. Viết được các đoạn văn ngắn giới thiệu về chuyến đi du lịch, leo núi ra sân bay, đất nước, văn hóa Trung Quốc.....có sử dụng	4	[1.2.2.2]

	những cấu trúc ngữ pháp đã được học.		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra cho học phần

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
	Người học nhớ được 800 từ vựng.	3	[2.1.4]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Vận dụng giao tiếp bằng tiếng Trung ở mức cơ bản trong cuộc sống hàng ngày, học tập và nghề nghiệp của mình. Có thể giao tiếp, bày tỏ được quan điểm bằng tiếng Hoa khi giao tiếp với người nói tiếng Trung hoặc đi du lịch ở Trung Quốc,	4	[2.2.8]
CĐR2.2	Đọc được các bài đọc, bài báo 400- 600 chữ liên quan đến giao tiếp hàng ngày.	4	[2.2.8]
CĐR3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	4	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	4	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第十一课：前边开过来一辆空车 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：存现词 五、练习	4	4	4	4	4	4	4
2	第十二课：为什么把“福”字倒贴在门上 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：“把”字句（1） 五、练习	4	4	4	4	4	4	4
3	第十三课：请把护照和机票给我 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：“把”字句（2） 五、练习	4	4	4	4	4	4	4
4	第十四课：我的腿被自行车撞伤了 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：“被”字句 五、练习	4	4	4	4	4	4	4
5	第十五课：京剧我看得懂，但	4	4	4	4	4	4	4

	<p>是听不懂</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法：可能补语</p> <p>五、练习</p>							
6	<p>第十六课：上这么高，你爬得上去吗</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法：可能补语与状态补语</p> <p>五、练习</p>	4	4	4	4	4	4	4
7	<p>第十七课：我想起来了</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法：只有...才...</p> <p>五、练习</p>	4	4	4	4	4	4	4
8	<p>第十八课：寒假你打算去哪儿旅行</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法：一边...一边...</p> <p>五、练习</p>	4	4	4	4	4	4	4
9	<p>第十九课：有困难找警察</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p>	4	4	4	4	4	4	4

	四、语法：状态补语 五、练习							
10	第二十课：吉利的数字 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：反问句 五、练习	4	4	4	4	4	4	4

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CDR của học phần			Ghi chú
					CDR1	CDR2	CDR3	
1	Điểm thường xuyên	1 điểm	20%	Bài tập cá nhân, thực hành hội thoại, làm việc nhóm trên lớp	CDR1.1, CDR1.3.	CDR2.1, CDR2.2.	CDR3.1, CDR3.2.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Trắc nghiệm kết hợp (90 phút/sv)	CDR1.2.	CDR2.1, CDR2.2.	CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.	
3	Thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Trắc nghiệm kết hợp (90 phút/sv)	CDR1.2.	CDR2.3.	CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức trắc nghiệm kết hợp.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo.

- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp.

- Đọc và hoàn thành các bài tập tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên.

- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.

- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần:

* *Tài liệu bắt buộc:*

[1] *Giáo trình Hán ngữ 4* - Trường Đại học Ngôn ngữ và văn hóa Bắc Kinh

* *Tài liệu tham khảo*

[2] Khương Lê Bình (2019) *Giáo trình HSK4*, NXB Đại học ngôn ngữ Bắc Kinh

14. Nội dung chi tiết học phần

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CĐR học phần
1	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo bổ ngữ xu hướng - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể: 第十一课：前边开过来一辆空车 一、课文</p>	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công não.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: <p>[1]: Trang 54- 66.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2 CĐR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	二、生词 三、注释 四、语法：趋向补语 五、练习		[2]: Trang 156-162 [3]: Trang 11-15. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 67-68 Tài liệu [1]	
2	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc câu so sánh bằng, so sánh giống nhau bỏ ngữ kết quả (到、成、上...). - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập <p>Nội dung cụ thể: 第十二课：为什么把“福”字倒贴在门上</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法：Câu bỏ ngữ kết quả 五、练习 	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công não.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> [1]: Trang 70- 76. [2]: Trang 203-205, 215,216. [3]: Trang 1-3. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 85, 86 Tài liệu [1] 	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
3	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài 	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công não.</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>- Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo cấu trúc “是... 的”, “一 ... 就” và tính từ lặp lại</p> <p>- Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập</p> <p>Nội dung cụ thể: 第十三课：请把护照和机票给我</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释</p> <p>四、语法:: “是... 的”, “一 ... 就” và tính từ lặp lại</p> <p>五、练习</p>		<p>- Giảng viên:</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp.</p> <p>+ Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 88- 101. [2]: Trang 163-168. [3]: Trang 25-29.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Bài tập trang 102, 103 Tài liệu [1]</p>	CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2 CDR3.3.
4	<p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Liệt kê các từ vựng trong bài</p> <p>- Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo trúc câu vị ngữ chủ vị.</p> <p>- Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập</p> <p>Nội dung cụ thể: 第十四课：我的腿被自行车</p>	6 (4LT, 0TH, 2KT)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công não.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp.</p> <p>+ Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên:</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2 CDR3.3..

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>撞伤了</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法:: 主谓谓语句</p> <p>五、练习</p> <p>* Kiểm tra giữa học phần</p>		<p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 105 - 112. [3]: Trang 117-122.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Hoàn thành bài tập trang 116-117 tài liệu [1]</p> <p>+ Thực hiện bài kiểm tra.</p>	
5	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo câu câu bị động - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第十五课：京剧我看得懂，但是听不懂</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法:</p> <ul style="list-style-type: none"> (一) 被动句 (二) 量词重叠 (三) 一年比一年 	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công nã.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 119- 124. [3]: Trang 168-170. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 129-130 Tài liệu [1] 	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2 CDR3.3..

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	五、练习			
6	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo câu câu bổ ngữ xu hướng phức - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập <p>Nội dung cụ thể: 第十六课：上这么高，你爬得上去吗</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法:: 符合趋向补语 五、练习</p>	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công nã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> [1]: Trang 133- 145. [2]: Trang 208 -210, 273-275. [3]: Trang 107-115. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 146.147 Tài liệu [1] 	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.
7	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo câu trợ từ động thái “着”. - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập 	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công nã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. 	CDR1.1, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>Nội dung cụ thể: 第十七课：我想起来了</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释 四、语法:: 动态助词 “着” 五、练习</p>		<p>+ Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 149- 158. [2]: Trang 230-241. [3]: Trang 21-29. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 158,159 Tài liệu [1]</p>	
8	<p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng trong bài - Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài. - Trình bày cách dùng và sử dụng thành thạo câu trợ từ động thái “着”. - Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập <p>Nội dung cụ thể: 第十八课：寒假你打算去哪儿旅行</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释</p>	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công não.</p> <p>- Giảng viên: + Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp. + Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 133- 145. [2]: Trang 208 -210, 273-275. [3]: Trang 107-115. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 146.147 Tài liệu [1]</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2 CDR3.3.
9	<p>Mục tiêu bài:</p>	6	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội</p>	

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>- Liệt kê các từ vựng trong bài</p> <p>- Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập</p> <p>Nội dung cụ thể: 第十九课：有困难找警察</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释</p>	(6LT, 0TH)	<p>thoại, công não.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp.</p> <p>+ Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 133- 145. [2]: Trang 208 -210, 273-275. [3]: Trang 107-115.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Bài tập trang 146.147 Tài liệu [1]</p>	
10	<p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Liệt kê các từ vựng trong bài</p> <p>- Đọc hiểu bài khóa và đặt câu với các từ vựng trong bài.</p> <p>- Vận dụng kiến thức ngữ pháp làm các bài tập</p> <p>Nội dung cụ thể: 第二十课：吉利的数字</p> <p>一、课文 二、生词 三、注释</p>	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, vấn đáp, hội thoại, công não.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp.</p> <p>+ Đặt câu hỏi theo nội dung bài khóa.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p>	CDR1.1, CDR1.2, CDR2.1, CDR2.2, CDR3.1, CDR3.2 CDR3.3.

TT	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
			[1]: Trang 133- 145. [2]: Trang 208 -210, 273-275. [3]: Trang 107-115. + Lắng nghe, quan sát, luyện phát âm, ghi chép, trả lời câu hỏi. + Bài tập trang 146.147 Tài liệu [1]	

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiến

Nguyễn Thị Hoa